|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH ĐỒNG NAI  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Đồng Nai, ngày tháng năm 2025* |

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ**

**ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 61/2024/QĐ-UBND NGÀY 25/10/2024**

**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VĂN BẢN ĐƯỢC THAY THẾ** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| I. QUYẾT ĐỊNH SÔ 61/2024/QĐ-UBND  1/ Quyết định 61/2024/QĐ-UBND  Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.  Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2024. Bãi bỏ Điều 8 Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ).  Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp  1. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 08 năm 2024 nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì tiếp tục thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và quy định của Quyết định này.  2. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 08 năm 2024 nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi.  3. Đối với dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày 01 tháng 08 năm 2024 nhưng địa phương chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được áp dụng các chính sách có lợi hơn cho người có đất thu hồi đã được xác định tại Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quy định của Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.  Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.  2/ Quy định kèm theo Quyết định 61/2024/QĐ-UBND  Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng  1. Phạm vi điều chỉnh  Quy định này quy định về bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.  2. Đối tượng áp dụng  a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.  b) Người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và người sở hữu tài sản hợp pháp đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác trên đất khi Nhà nước thu hồi đất.  c) Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại về vật nuôi là thủy hoặc vật nuôi khác khi nhà nước thu hồi đất.  Điều 2. Nguyên tắc bồi thường  1. Việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.  2. Vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác tại thời điểm thu hồi đất mà chưa đến thời kỳ thu hoạch trong điều kiện không thể di chuyển sang nơi khác để tiếp tục nuôi cho đến thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm.  3. Chỉ thực hiện bồi thường thiệt hại cho vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển tồn tại trên đất bị thu hồi trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.  4. Không bồi thường đối với các trường hợp cố tình nuôi thủy sản khi đã có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.  5. Không xem xét bồi thường đối với việc nuôi thủy sản trên đất trồng lúa không đúng quy định.  Điều 3. Quy định bồi thường  1. Đối với các hình thức nuôi ao được bồi thường 70% đơn giá khi thời gian nuôi dưới 50% định mức theo quy định, 50% đơn giá khi thời gian nuôi từ 50% đến 80% định mức theo quy định.  2.Đối với cá nuôi lồng bè được bồi thường 70% đơn giá khi thời gian nuôi dưới 50% định mức theo quy định, 50% đơn giá khi thời gian nuôi từ 50% đến 80% định mức theo quy định.  Điều 4. Đơn giá bồi thường vật nuôi là thủy sản  1. Bồi thường thiệt hại ngừng sản xuất đối với ao nuôi tôm nước lợ  a) Nuôi quảng canh cải tiến là 20.300.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức thời gian nuôi, 14.500.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức thời gian nuôi.  b) Nuôi thâm canh là 145.936.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức thời gian nuôi, 104.240.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức thời gian nuôi.  2. Bồi thường thiệt hại ngừng sản xuất đối với ao nuôi tôm nước ngọt  a) Nuôi quảng canh cải tiến là 20.300.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức thời gian nuôi, 14.500.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức thời gian nuôi.  b) Nuôi thâm canh là 52.500.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức thời gian nuôi, 37.500.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80 định mức thời gian nuôi.  3. Bồi thường thiệt hại ngừng sản xuất đối với ao nuôi cá  a) Nuôi ghép cá các loại là 121.590.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức thời gian nuôi, 86.000.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức thời gian nuôi.  b) Nuôi thâm canh là 621.600.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức thời gian nuôi, 440.000.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức thời gian nuôi.  4. Bồi thường thiệt hại ngừng sản xuất đối với cá nuôi lồng bè  Đối với cá nuôi lồng bè là 119.650.000 đồng/100m3/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức thời gian nuôi, 85.500.000 đồng/100m3/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức thời gian nuôi.  Điều 5. Điều kiện được bồi thường  1. Các cơ sở nuôi chim yến phải thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi và các quy định khác có liên quan.  2. Các cơ sở nuôi động vật khác phải đảm bảo quy định tại Mục 1 Chương V Luật Chăn nuôi và các quy định khác có liên quan.  Điều 6. Giá trị và đơn giá bồi thường đối với chim yến  1. Giá trị bồi thường đối với chim yến được tính bằng tổng sản lượng tổ yến trong một năm cho mỗi nhà nuôi chim yến nhân với đơn giá bồi thường 3 lần (một năm thu hoạch tổ yến 3 lần). Sản lượng khai thác tại thời điểm chỉ tính tổ yến không có trứng hoặc chim non và được tính cho một lần thu hoạch.  2. Đơn giá bồi thường đối với chim yến theo giá thị trường nhưng không quá 18.500.000 đồng/kg yến thô.  Điều 7. Trách nhiệm thực hiện  Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai, vật nuôi, thủy sản; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.  Điều 8. Sửa đổi, bổ sung  Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, trường hợp có vướng mắc, phát sinh, sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm báo cáo và đề xuất kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.  II. QUYẾT ĐỊNH SỐ 02/2025/QĐ-UBND  Điều 2 của Quy định kèm theo Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ)  - Điểm b) khoản 1 “Đối với vật nuôi la thủy sản và vật nuôi khác mà không thể di chuyển được căn cứ vào sản lượng tận thu được (thực tế) và giá tại thời điểm bồi thường phù hợp với điều kiện thực tế, tránh thiệt hại cho người dân đồng thời chủ đầu tư dự án dễ triển khai thực hiện dự án rút ngắn thời gian chuẩn bị triển khai dự án đầu tư.  Điều 3 của Quy định kèm theo Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ).  - Khoản 4 “Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản, vật nuôi khác không thể di chuyển được Phụ lục 4 kèm theo Quy định này. | 1/ Dự thảo Quyết định thay thế 61/2024/QĐ-UBND  Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.  Điều 2. Hiệu lực thi hành  1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.  2. Quyết định này thay thế Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) ban hành Quy định về bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, thay thế nội dung có liên quan tại điểm b) khoản 1 Điều 2, khoản 4 Điều 3 của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi Khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ), bãi bỏ Điều 8 Quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ).  Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp  1. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 08 năm 2024 nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì tiếp tục thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và quy định của Quyết định này.  2. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 08 năm 2024 nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi.  3. Đối với dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày 01 tháng 08 năm 2024 nhưng địa phương chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được áp dụng các chính sách có lợi hơn cho người có đất thu hồi đã được xác định tại Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quy định của Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.  Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.  2/ Quy định kèm theo dự thảo Quyết định  Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng  1. Phạm vi điều chỉnh  Quy định này quy định về bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.  2. Đối tượng áp dụng  a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.  b) Người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và người sở hữu tài sản hợp pháp đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác trên đất khi Nhà nước thu hồi đất.  c) Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại về vật nuôi là thủy hoặc vật nuôi khác khi nhà nước thu hồi đất.  Điều 2. Nguyên tắc bồi thường  1. Việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.  2. Vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác tại thời điểm thu hồi đất mà chưa đến thời kỳ thu hoạch trong điều kiện không thể di chuyển sang nơi khác để tiếp tục nuôi cho đến thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm.  3. Chỉ thực hiện bồi thường thiệt hại cho vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển tồn tại trên đất bị thu hồi trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.  4. Không bồi thường đối với các trường hợp cố tình nuôi thủy sản khi đã có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.  5. Không xem xét bồi thường đối với việc nuôi thủy sản trên đất trồng lúa không đúng quy định.  Điều 3. Quy định bồi thường  1. Đối với các hình thức nuôi ao được bồi thường 70% đơn giá khi thời gian nuôi dưới 50% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản, 50% đơn giá khi thời gian nuôi từ 50% đến 80% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản.  2.Đối với cá nuôi lồng bè được bồi thường 70% đơn giá khi thời gian nuôi dưới 50% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản, 50% đơn giá khi thời gian nuôi từ 50% đến 80% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản.  Điều 4. Đơn giá bồi thường vật nuôi là thủy sản  1. Bồi thường thiệt hại ngừng sản xuất đối với ao nuôi tôm nước lợ  a) Nuôi quảng canh cải tiến là 20.300.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản, 14.500.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản.  b) Nuôi thâm canh là 145.936.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản, 104.240.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản.  2. Bồi thường thiệt hại ngừng sản xuất đối với các hình thức nuôi quảng canh cải tiến nước lợ như: nuôi hàu treo giàn bè, nuôi cua, nuôi kết hợp tôm – cua là 20.300.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản, 14.500.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản  3. Bồi thường thiệt hại ngừng sản xuất đối với ao nuôi tôm nước ngọt  a) Nuôi quảng canh cải tiến là 20.300.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản, 14.500.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản.  b) Nuôi thâm canh là 52.500.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản, 37.500.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80 định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản.  4. Bồi thường thiệt hại ngừng sản xuất đối với ao nuôi cá  a) Nuôi ghép cá các loại là 121.590.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản, 86.000.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản.  b) Nuôi thâm canh là 621.600.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản, 440.000.000 đồng/ha/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản.  5. Bồi thường thiệt hại ngừng sản xuất đối với cá nuôi lồng bè  Đối với cá nuôi lồng bè là 119.650.000 đồng/100m3/vụ đối với thủy sản nuôi dưới 50% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản, 85.500.000 đồng/100m3/vụ đối với thủy sản nuôi từ 50% đến 80% định mức kinh tế kỹ thuật thời gian nuôi trồng thủy sản.  Điều 5. Điều kiện được bồi thường  1. Các cơ sở nuôi chim yến phải thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 Luật Chăn nuôi và các quy định khác có liên quan.  2. Các cơ sở nuôi động vật khác phải đảm bảo quy định tại Mục 1 Chương V Luật Chăn nuôi và các quy định khác có liên quan.  Điều 6. Giá trị và đơn giá bồi thường đối với chim yến  1. Giá trị bồi thường đối với chim yến được tính bằng tổng sản lượng tổ yến trong một năm cho mỗi nhà nuôi chim yến nhân với đơn giá bồi thường (một năm thu hoạch tổ yến 3 lần). Sản lượng khai thác tại thời điểm chỉ tính tổ yến không có trứng hoặc chim non và được tính cho một lần thu hoạch.  2. Đơn giá bồi thường đối với chim yến theo giá thị trường nhưng không quá 18.500.000 đồng/kg yến thô.  Điều 7. Trách nhiệm thực hiện  Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai, vật nuôi, thủy sản; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.  Điều 8. Sửa đổi, bổ sung  Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, trường hợp có vướng mắc, phát sinh, sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã có trách nhiệm báo cáo và đề xuất kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. | 1/ Nội dung được kế thừa  - Kế thừa các Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai (cũ).  - Kế thừa các Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Quy định kèm theo Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai (cũ).  2/ Nội dung sửa đổi, bổ sung  - Bổ sung thêm khoản 2 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai (cũ) .  Thuyết minh: Để giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh về bồi thường vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất theo quy định khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024.  3/ Nội dung thay thế, bãi bỏ  - Thay thế, một số cụm từ tại tại Điều 3, điểm a, b khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai (cũ) .  - Thay thế cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” tại Điều 4 Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai (cũ) và tại Điều 8 của Quy định kèm theo Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai (cũ).  - Bỏ cụm từ “3 lần” trước cụm từ “(một năm thu hoạch tổ yến 3 lần)” tại khoản 1 Điều 6 của Quy định kèm theo Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai (cũ).  Thuyết minh: Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ thành các từ ngữ phù hợp khái niệm đã được sử dụng trong quá trình ban hành quy trình sản xuất theo quy định pháp luật (Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) ban hành Quy trình nuôi trồng thủy sản thương phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai), nhằm tránh phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đảm bảo cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện dễ dàng tra cứu và hiểu rõ quy định pháp luật trong quá trình áp dụng, và để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.  - Thay thế nội dung có liên quan tại điểm b) khoản 1 Điều 2, khoản 4 Điều 3 của Quy định kèm theo Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) cho phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung), khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024, và Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) về ban hành Quy trình nuôi trồng thủy sản thương phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để tính đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. |
|  |  |  |